

Số: XMAN-09/15h00/DBQG

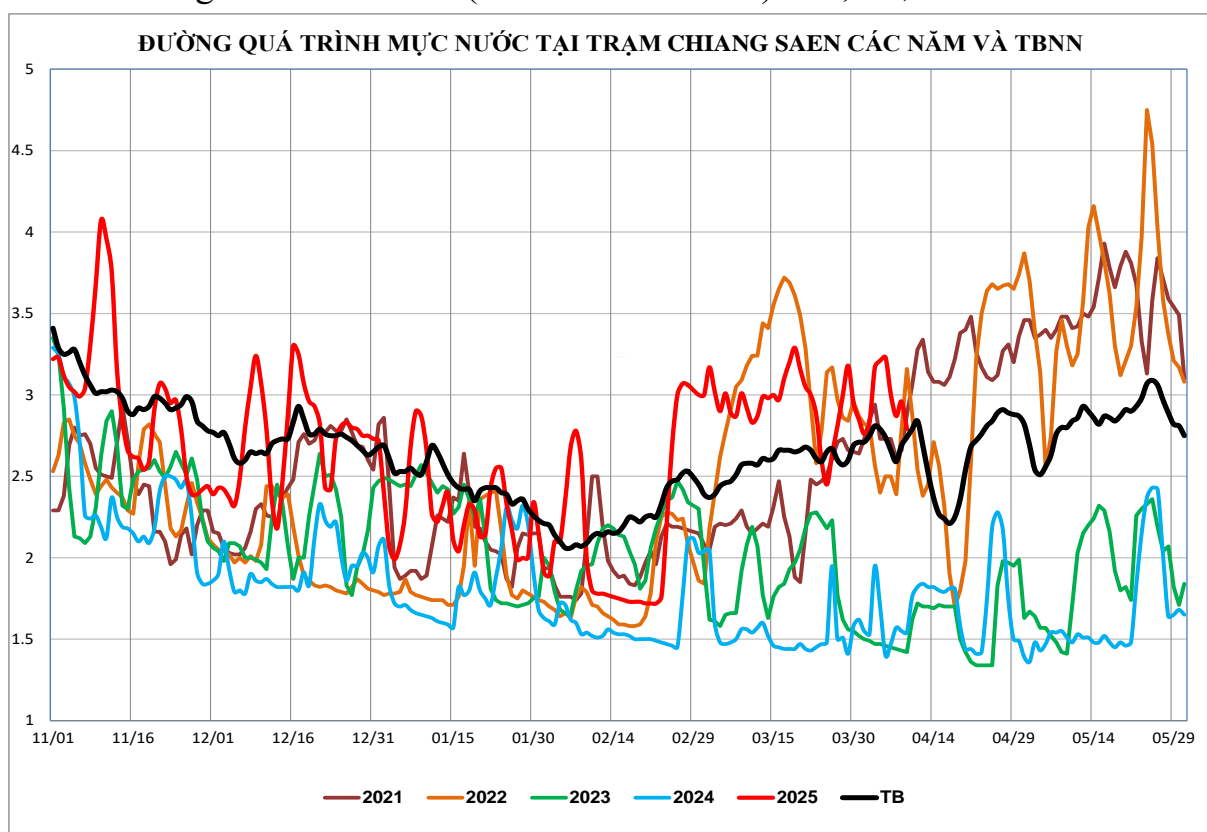
Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2025

**TIN DỰ BÁO XÂM NHẬP MẶN  
TRÊN KHU VỰC NAM BỘ**  
(Từ ngày 11 đến ngày 20/4/2025)

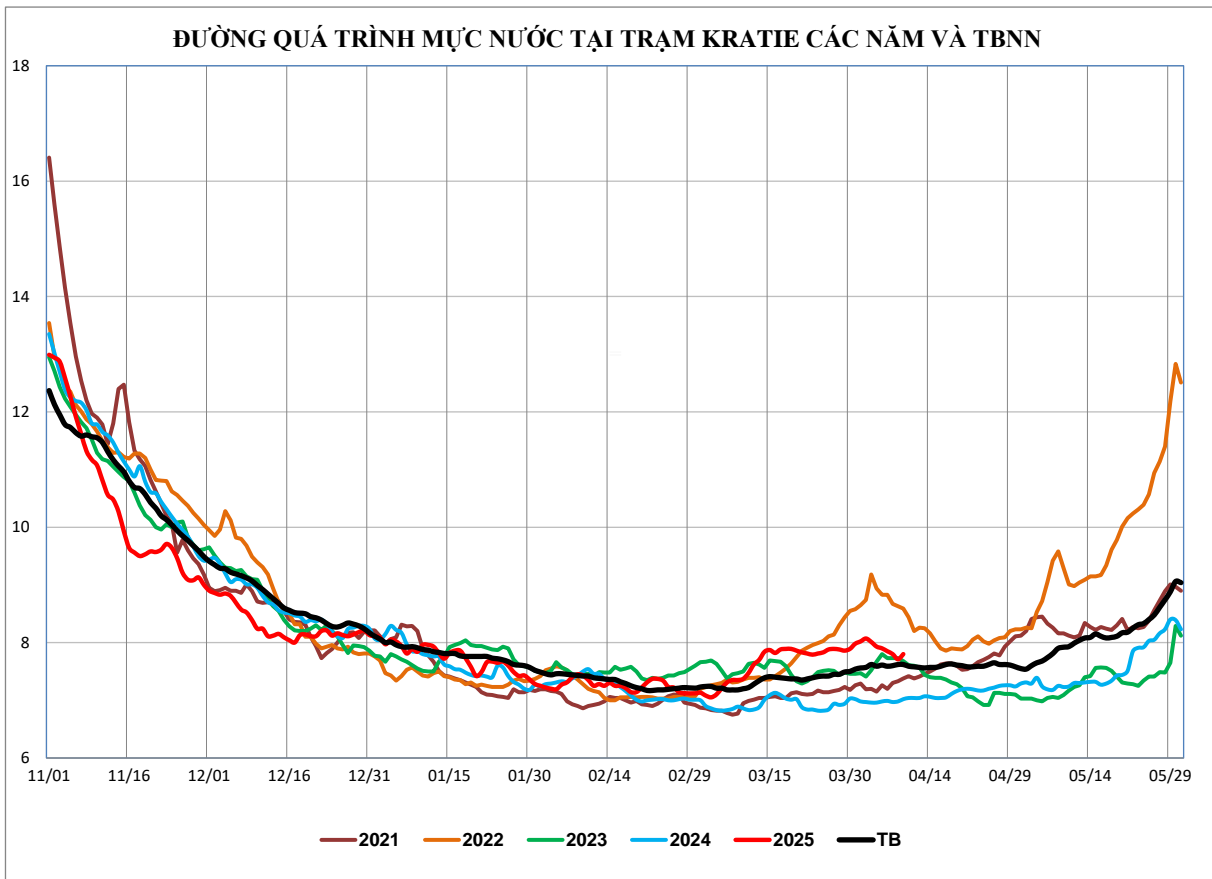
**1. Hiện trạng thủy văn, thủy triều và xâm nhập mặn ở khu vực Nam Bộ**

Khu vực ngày nắng, có nơi có nắng nóng, chiều tối và đêm có mưa rào và dông vài nơi. Ngày 01-02/4, có mưa rào rải rác và có nơi có dông, cục bộ có nơi mưa to. Tổng lượng mưa (TLM) phổ biến 10-20mm, trong đó tại Kiên Giang có TLM đạt 40-70mm. Nhiệt độ cao nhất phổ biến từ 31,0-34,0°C, có nơi cao hơn 35,0°C.

Mức nước các trạm trên lưu vực sông Mê Công biến đổi chậm và ở mức cao hơn trung bình nhiều năm (TBNN: 2012-2023) từ 0,1-0,5m.



Hình 1. Đường quá trình mực nước mùa khô năm 2024-2025  
tại trạm Chiang Saen (Thái Lan)



Hình 2. Đường quá trình mực nước mùa khô năm 2024-2025 tại trạm Kratie (Campuchia)

Mực nước trên sông Tiền, sông Hậu đang xuống theo triều. Mực nước cao nhất tuần tại Tân Châu là 1,72m (ngày 02/4), tại Châu Đốc 1,91m (ngày 02/4), cao hơn TBNN cùng kỳ từ 0,25-0,45m.

Mực nước thủy triều trạm Vũng Tàu đang xuống. Mực nước cao nhất 10 ngày qua tại trạm Vũng Tàu 4,22m (ngày 01/4).

Xâm nhập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) có xu thế giảm dần vào cuối tuần. Độ mặn tại các trạm phổ biến ở mức xấp xỉ và thấp hơn so với độ mặn cao nhất tháng 4/2024, riêng một số trạm ở Trà Vinh, Bến Tre có độ mặn cao hơn.

**Chiều sâu ranh mặn 4‰ tại các cửa sông chính:**

- Sông Vàm Cỏ Đông, Vàm Cỏ Tây: Phạm vi xâm nhập mặn 45-63km;
- Sông Cửa Tiểu, Cửa Đại: Phạm vi xâm nhập mặn 40-45km;
- Sông Hàm Luông: Phạm vi xâm nhập mặn 50-57km;
- Sông Cổ Chiên: Phạm vi xâm nhập mặn 40-46km;
- Sông Hậu: Phạm vi xâm nhập mặn 35-42km;
- Sông Cái Lớn: Phạm vi xâm nhập mặn 30-36km.

Bảng 1. Bảng độ mặn cao nhất từ ngày 01-10/4/2025

STT	Trạm	Sông	Tỉnh	K/C đến cửa sông (km)	Smax (g/l)	So sánh (Max tháng 3/2024)
1	Cát Lái	Sài Gòn	Hồ Chí Minh	58	8.7	Nhỏ hơn 0.5
2	Bến Lức	Vàm Cỏ Đông	Long An	67	3.1	Nhỏ hơn 8.5
3	Xuân Khánh	Vàm Cỏ Đông	Long An	95	0.5	Nhỏ hơn 4.1
4	Tân An	Vàm Cỏ Tây	Long An	80	1.7	Nhỏ hơn 9.7
5	Tuyên Nhơn	Vàm Cỏ Tây	Long An	120	0.3	Nhỏ hơn 5.2
6	Vàm Kênh	Cửa Tiểu	Tiền Giang	2	22	Nhỏ hơn 4
7	Hòa Bình	Cửa Tiểu	Tiền Giang	18	10.8	Nhỏ hơn 3.6
8	An Định	Tiền	Tiền Giang	48	3.4	Nhỏ hơn 5.2
9	Bình Đại	Cửa Đại	Bến Tre	4	23.7	Nhỏ hơn 2.1
10	Lộc Thuận	Cửa Đại	Bến Tre	18	12.4	Nhỏ hơn 5.9
11	An Thuận	Hàm Luông	Bến Tre	10	30.7	Lớn hơn 5.4
12	Sơn Đốc	Hàm Luông	Bến Tre	20	16.5	Nhỏ hơn 1.7
13	Bến Trại	Cổ Chiên (cửa Cổ Chiên)	Bến Tre	10	25.8	Nhỏ hơn 0.3
14	Hương Mỹ	Cổ Chiên (cửa Cổ Chiên)	Bến Tre	25	8.4	Lớn hơn 1.3
15	Hưng Mỹ	Cổ Chiên (cửa Cung Hầu)	Trà Vinh	17	14.3	Lớn hơn 0.5
16	Cầu Quan	Hậu (cửa Định An)	Trà Vinh	32	7.1	Nhỏ hơn 0.2
17	Trà Vinh	Cổ Chiên (cửa Cung Hầu)	Trà Vinh	28	8.5	Lớn hơn 2.4
18	Trà Kha	Hậu (cửa Định An)	Trà Vinh	7	15.4	Nhỏ hơn 0.2
19	Long Phú	Hậu (cửa Trần Đề)	Sóc Trăng	15	16.5	Nhỏ hơn 1.2
20	Đại Ngãi	Hậu (cửa Tranh Đề)	Sóc Trăng	35	5.5	Nhỏ hơn 1.8
21	Trần Đề	Hậu	Sóc Trăng	10	19.8	Nhỏ hơn 2.3
22	Thanh Phú	K. Như Gia	Sóc Trăng	Nội đồng (58)	1.7	Nhỏ hơn 5.1
23	Sóc Trăng	K. Maspero	Sóc Trăng	Nội đồng (59)	2.3	Nhỏ hơn 0.5
24	Gành Hào	Gành Hào	Bạc Liêu	2	26.6	Nhỏ hơn 5.8
25	Sông Đốc	Sông Đốc	Cà Mau	1,5	33.5	Nhỏ hơn 4.3
26	Rạch Giá	Kiên	Kiên Giang	7	-	Nhỏ hơn 5.8
27	Gò Quao	Cái Lớn	Kiên Giang	35	4.6	Nhỏ hơn 9
28	An Ninh	Cái Bé	Kiên Giang	8	16.2	Nhỏ hơn 3.6

## 2. Dự báo

Khu vực Tây Nam Bộ ngày nắng, có nơi có nắng nóng, chiều tối và đêm có mưa rào và dông vài nơi, riêng thời đoạn ngày 14-15/4 mưa dông có xu hướng gia tăng diện rải rác trên khu vực. Trong mưa dông có khả năng xảy ra lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh. Nhiệt độ cao nhất trên toàn khu vực phổ biến từ 32,0-35,0<sup>0</sup>C, có nơi cao hơn.

Mực nước tại các trên dòng chính sông Mê Công biến đổi chậm và ở mức cao hơn TBNN từ 0,1-0,5m.

Mức nước trên sông Tiền và sông Hậu dao động theo triều. Mức nước cao nhất tuần tại Tân Châu là 1,35m, tại Châu Đốc 1,55m, ở mức cao hơn TBNN cùng kỳ từ 0,15-0,20m.

Mức nước thủy triều trạm Vũng Tàu: Từ ngày 10/04 - 19/04 mức nước trạm Vũng Tàu dao động ở mức thấp, đỉnh triều trong khoảng thời gian này dao động trong khoảng 3,4-3,7m, thời gian xuất hiện đỉnh triều chủ yếu diễn ra vào khoảng 0 đến 3 giờ và 13 đến 17 giờ hằng ngày.

Mức nước thủy triều phía Biển Tây (trạm Rạch Giá): Từ ngày 10/04-19/04, mức nước triều tại trạm Rạch Giá đang ở mức triều kém đến trung bình. Từ ngày 10/4-14/4, mức nước triều tại trạm Rạch Giá có xu hướng giảm, đỉnh triều trong khoảng thời gian này dao động trong khoảng 0,28-0,53m. Từ ngày 15/4-19/4, mức nước triều tại trạm Rạch Giá có xu hướng tăng, đỉnh triều trong khoảng thời gian này dao động trong khoảng 0,31-0,47m. Thời gian xuất hiện đỉnh triều trong khoảng 23 đến 03 giờ hằng ngày.

**Xu thế xâm nhập mặn từ ngày 11-20/4/2025:** Xâm nhập mặn ở ĐBSCL có xu thế giảm dần. Độ mặn cao nhất tại các trạm ở mức xấp xỉ và thấp hơn độ mặn cao nhất tháng 04/2024, riêng một số trạm ở Trà Vinh, Bến Tre có độ mặn cao hơn.

*Bảng 2. Bảng dự báo độ mặn cao nhất từ ngày 11-20/4/2025*

STT	Trạm	Sông	Tỉnh	K/C đến cửa sông (km)	Smax (g/l)
1	Cát Lái	Sài Gòn	Hồ Chí Minh	58	6.5
2	Bến Lức	Vàm Cỏ Đông	Long An	67	2
3	Xuân Khánh	Vàm Cỏ Đông	Long An	95	0.3
4	Tân An	Vàm Cỏ Tây	Long An	80	1.2
5	<b>Tuyên Nhơn</b>	Vàm Cỏ Tây	Long An	120	0.3
6	Vàm Kênh	Cửa Tiểu	Tiền Giang	2	20.5
7	Hòa Bình	Cửa Tiểu	Tiền Giang	18	8.8
8	An Định	Tiền	Tiền Giang	48	1.6
9	Bình Đại	Cửa Đại	Bến Tre	4	21.2
10	Lộc Thuận	Cửa Đại	Bến Tre	18	11.1
11	An Thuận	Hàm Luông	Bến Tre	10	22.5
12	Sơn Đốc	Hàm Luông	Bến Tre	20	13.6
13	Bến Trại	Cổ Chiên (cửa Cổ Chiên)	Bến Tre	10	21.8
14	Hương Mỹ	Cổ Chiên (cửa Cổ Chiên)	Bến Tre	25	7.5
15	Hưng Mỹ	Cổ Chiên (cửa Cung Hầu)	Trà Vinh	17	10
16	Cầu Quan	Hậu (cửa Định An)	Trà Vinh	32	4.5
17	Trà Vinh	Cổ Chiên (cửa Cung Hầu)	Trà Vinh	28	5
18	Trà Kha	Hậu (cửa Định An)	Trà Vinh	7	13
19	Long Phú	Hậu (cửa Trần Đề)	Sóc Trăng	15	15
20	Đại Ngãi	Hậu (cửa Tranh Đề)	Sóc Trăng	35	4.5
21	Trần Đề	Hậu	Sóc Trăng	10	16.8

22	Thanh Phú	K. Như Gia	Sóc Trăng	Nội đồng (58)	1.5
23	Sóc Trăng	K. Maspero	Sóc Trăng	Nội đồng (59)	2
24	Gành Hào	Gành Hào	Bạc Liêu	2	24.5
25	Sông Đốc	Sông Đốc	Cà Mau	1,5	33.3
26	<b>Rạch Giá</b>	Kiên	Kiên Giang	-	-
27	Gò Quao	Cái Lớn	Kiên Giang	35	4
28	An Ninh	Cái Bé	Kiên Giang	8	8.5

***Chiều sâu ranh mặn 4‰ tại các cửa sông chính:***

- Sông Vàm Cỏ Đông, Vàm Cỏ Tây: Phạm vi xâm nhập mặn 45-60km;
- Sông Cửa Tiểu, Cửa Đại: Phạm vi xâm nhập mặn 37-43km;
- Sông Hàm Luông: Phạm vi xâm nhập mặn 50-55km;
- Sông Cỏ Chiên: Phạm vi xâm nhập mặn 40-45km;
- Sông Hậu: Phạm vi xâm nhập mặn 35-40km;
- Sông Cái Lớn: Phạm vi xâm nhập mặn 30-35km.

*Các địa phương cần tranh thủ tích trữ nước ngọt khi triều thấp phục vụ nông nghiệp và dân sinh.*

***Xu thế nguồn nước và xâm nhập mặn trong mùa khô năm 2024-2025:***

Xâm nhập mặn tại ĐBSCL mùa khô năm 2024-2025 ở mức cao hơn TBNN, nhưng không gay gắt như mùa khô năm 2015-2016 và năm 2019-2020.

Xâm nhập mặn ở các cửa sông Cửu Long có xu thế giảm dần; các sông Vàm Cỏ, Cái Lớn còn tăng cao từ ngày 27/4-01/5, từ giữa tháng 5 xâm nhập mặn giảm dần.

*Tình hình xâm nhập mặn ở ĐBSCL phụ thuộc vào nguồn nước từ thượng nguồn sông Mê Công, triều cường và còn biến động trong thời gian tới. Các địa phương ở vùng ĐBSCL cần cập nhật kịp thời các thông tin dự báo khí tượng thủy văn và có các biện pháp chủ động phòng chống xâm nhập mặn.*

**3. Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do xâm nhập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long: Cấp 2.**

**Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 20/4/2025**

**Tin phát lúc: 15h00**

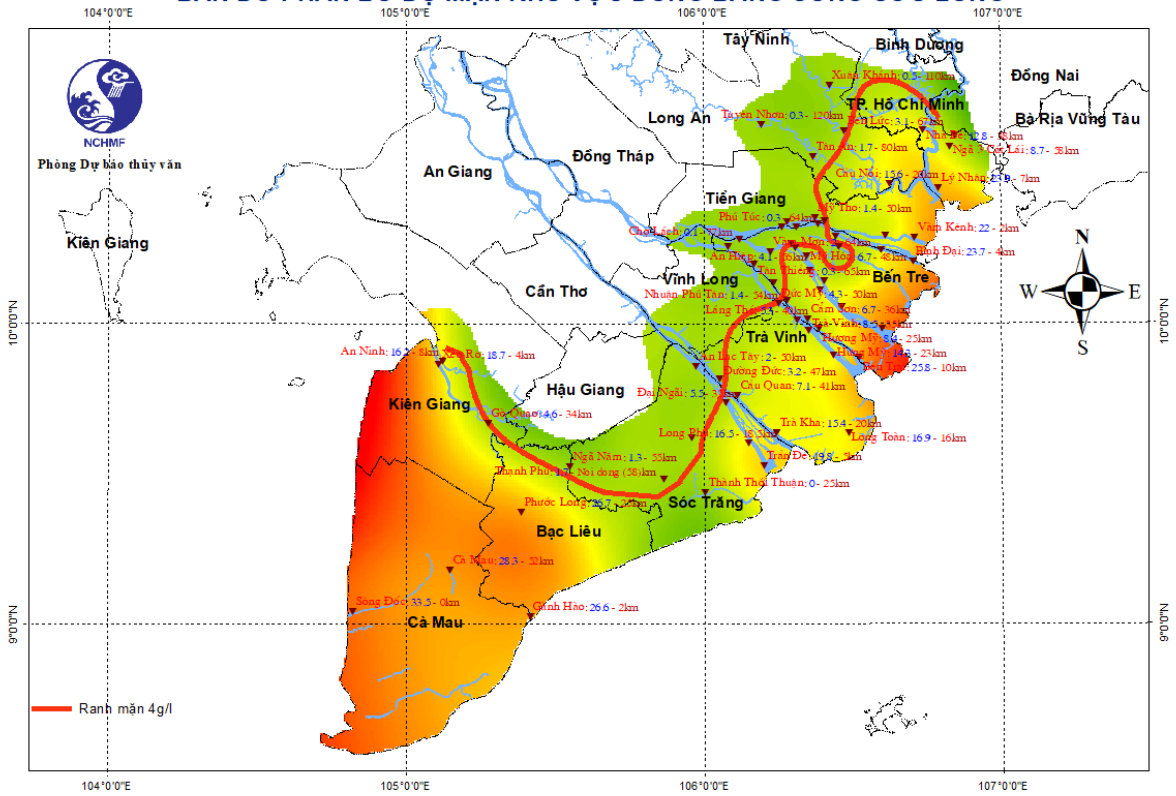
**Người chịu trách nhiệm  
ban hành bản tin**



**Phùng Tiến Dũng**

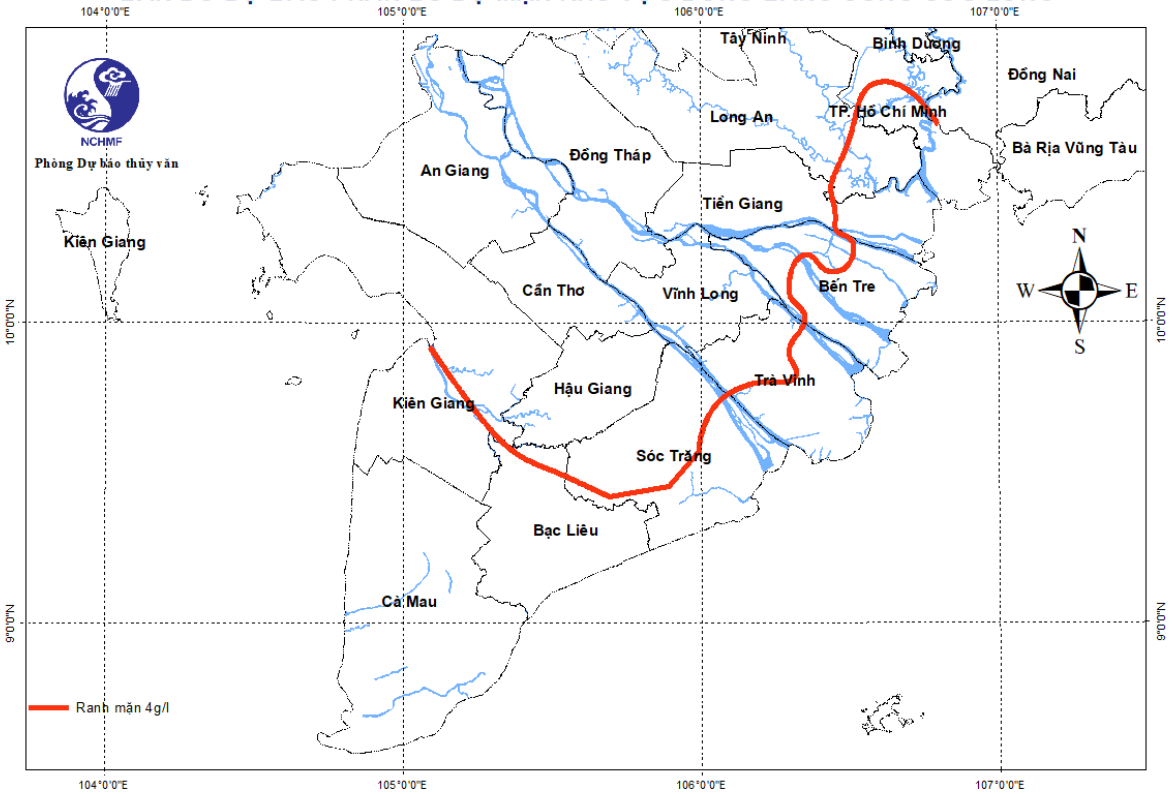
# Phụ lục

**BẢN ĐỒ PHÂN BỐ ĐỘ MẶN KHU VỰC ĐỒNG BANG SÔNG CỬU LONG**



*Hình 3. Bản đồ phân bố độ mặn từ 01-10/4/2025*

**BẢN ĐỒ DỰ BÁO PHÂN BỐ ĐỘ MẶN KHU VỰC ĐỒNG BANG SÔNG CỬU LONG**



*Hình 4. Bản đồ dự báo phân bố độ mặn cao nhất từ 11-20/4/2025*